

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HS-PT
Ngày: 25 – 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Văn Hùng Cường**.

Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 46/2023/TLPT-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo **Trần Quốc T** do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Quốc T, sinh ngày 16/02/2005 tại tỉnh Tiền Giang.

- Nơi cư trú: ấp (khu phố) BT, xã (thị trấn) BP, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam.

- Con ông: **Trần Tấn K**, sinh năm 1985 và bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm: 1986; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 06/5/2022, chuyển tạm giam ngày 09/5/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo có kháng cáo:** ông **Trần Tấn K**, sinh năm 1985. (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố BT, thị trấn BP, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

*** Các bị cáo có liên quan đến kháng cáo:**

1. Trần Huy V (tên gọi khác: Cò), sinh ngày 18/3/1995 tại tỉnh Tiền Giang.

- Nơi cư trú: ấp (khu phố) BT, xã (thị trấn) BP, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam.

- Con ông: Trần Văn V, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1962 (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1998 (đã ly hôn) và có 01 con.

- Tiền án: 01 lần, ngày 19/11/2018 Tòa án nhân dân thị xã L tuyên phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm;

- Tiền sự: không;

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 31/01/2006 tại tỉnh Tiền Giang.

- Nơi cư trú: ấp (khu phố) BT, xã (thị trấn) BP, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ;

- Con ông: Trần Văn V, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1962 (đã chết). Bị cáo chưa có chồng, con.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo:** Ông Trần Văn V, sinh năm 1963 (Cha của bị cáo).

- Địa chỉ: khu phố BT, thị trấn BP, huyện L, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo N:** Bà Nguyễn Thị Thanh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- **Bị hại:** Anh Huỳnh Hữu T, sinh ngày 07/10/2006.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968 (mẹ của bị hại) và ông Huỳnh Công T, sinh năm 1969 (bố của bị hại).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã PA, huyện L, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Ngoài ra, bản án còn có 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 30/3/2022, Bạch Anh K2, sinh ngày 29/11/2007, địa chỉ: khu phố BQ, thị trấn BP, huyện L, điều khiển xe đạp điện chạy ngang quán nước của bà Đặng Thị Bé Mười M thuộc khu phố BQ, thị trấn BP, huyện L. Lúc này, Huỳnh Hữu T, sinh ngày 07/10/2006, ngụ ấp 1, xã PA, huyện L đang ngồi uống nước cùng với bạn, nhìn ra thấy K2, T chửi “*mẹ mày*”. Bị chửi, K2 chạy đến quán nước khác gần đó gặp Trần Thị Ngọc N nói N biết việc bị T chửi và nhờ N đến nói chuyện. K2 điều khiển xe đạp điện chở N đến gặp T. Trên đường đi, N ghé quán nước của chị Cao Thanh T2 mượn hột quẹt gas hút thuốc nhưng không có, thấy con dao loại thái lan cán màu vàng trên rổ nhựa, N lấy đem theo. Khi gặp T, K2 hỏi “sao anh chửi em”, T trả lời “*thích thì chửi*”, N nói “*vậy đợi em 15 phút*” thì T nói “*tao học 10A4 nè muốn gì kéo ra đây tao đợi*”. K2 chở N quay lại quán nước khác gần đó, N gọi điện thoại cho Nguyễn Hải H, sinh năm 2006, nhờ chạy xe mô tô đến chở N về nhà, nhưng H không nghe máy, nên N kêu K2 chở N về nhà. Khi đến nhà N, K2 đứng bên ngoài, N vào nhà nói cho Trần Huy V biết có người vừa đánh và chửi N, nên N rủ V đi đánh lại Huỳnh Hữu T thì V đồng ý. Khi đi, V có cầm một vỏ chai bia hiệu Larue màu nâu và rủ Trần Quốc T cùng đi. K2 chở N bằng xe đạp điện, V có giang xe đạp điện của Hồ Hữu T3, còn T đi bộ một đoạn thấy Huỳnh Phi L điều khiển xe mô tô hiệu Vario màu trắng biển số XXP1-350.XX chạy ngang qua, nên T nói L cho có giang. Khi đến cầu Đ, V xuống xe đạp điện và đi chung xe mô tô của L. Lúc xe xuống dốc cầu Đ, V xuống xe lấy tại đồng cây tràm của Lê Văn T4 lấy 02 cây tràm dài khoảng 40 cm và đưa cho T 01 cây, V cầm 01 cây. Sau đó, L tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T ngồi giữa, V ngồi phía sau. K2 chở N đến quán nước của chị H, N mượn chiếc xe đạp điện của Hồ Hữu T3 điều khiển chạy đến chỗ T, L chạy xe mô tô chở T và V cùng đến. Vừa xuống xe, T hỏi “*ai đánh em*” thì N chỉ vào mặt T nói “*thằng da đen đó*”. Liên lúc, T dùng cây tràm đánh nhiều cái vào đầu, vai của T, dùng dao thái lan kề cổ T; V dùng vỏ chai bia đánh 01 cái vào đầu của Phan Đăng K2, sinh ngày 09/01/2006, địa chỉ: ấp 5, xã TN, huyện L. Thấy vậy, N nói với V “*nhằm người rồi*”, nên V dừng lại. Lúc này, người tên Tùng T (chưa rõ họ, địa chỉ) dùng tay đánh 2 cái vào mặt của T. V tiếp tục dùng cây tràm đánh một cái vào đầu của T chảy máu và đánh tiếp một cái nữa thì T đưa tay lên đỡ rồi bỏ chạy. Sau đó, cả nhóm đi về, T được đưa đến bệnh viện cấp cứu và điều trị từ ngày 30/3/2022 tại Bệnh viện Phục hồi Chức năng Điều trị bệnh nghề nghiệp tại Thành phố Hồ

Chí Minh đến ngày 12/4/2022, sau đó tiếp tục điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy từ ngày 12/7/2022 đến ngày 19/7/2022.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 đoạn clip dài 3 phút 58 giây được trích xuất từ camera của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện L vào lúc 16 giờ 21 phút 50 giây đến 16 giờ 25 phút 49 giây ngày 30/3/2022;

- 01 vỏ chai bia hiệu Larue, màu nâu, đã bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ;

- 01 con dao thái lan dài 20 cm, cán màu vàng bằng nhựa có chữ Kiwi, lưỡi dao làm bằng kim loại sắc bén, mũi tròn;

- 01 xe mô tô hiệu honda loại xe Vario màu trắng biển số XXP1-350.XX;

- 01 cây gỗ, loại cây tràm hình tròn cân nặng 200 gam, dài 52 cm đường kính 2,8 cm đã khô (vật đồng dạng);

- 01 cây gỗ, loại cây tràm, đã được chẻ cân nặng 200 gam, dài 45,5 cm, bề rộng 4 cm, độ dày 2 cm đã khô (vật đồng dạng);

- 01 cây gỗ, loại cây tràm hình tròn cân nặng 250 gam, dài 45 cm đường kính rộng nhất 3,5 cm, nhỏ nhất 3 cm đã khô (vật đồng dạng);

- 01 cây gỗ, loại cây tràm hình tròn cân nặng 200 gam, dài 42,5 cm đường kính nơi rộng nhất và nhỏ nhất là 3 cm đã khô (vật đồng dạng);

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen model 2201117TG;

- 01 xe đạp điện hiệu Asama màu đen có gắn bội xe;

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh dương;

- 01 cái áo trắng loại tay dài hiệu TUANHHA trên áo có thêu phù hiệu Trường Trung học Phổ thông Phan Việt T, Huỳnh Hữu T, lớp 10A4;

- 01 cái quần dài màu xanh của Huỳnh Hữu T;

- 01 thắt lưng (dây nịch), không nhãn hiệu, màu đen dài 114cm, trên thắt lưng còn dính vật nghi là máu, có mặt thắt lưng dài 7 cm;

- 01 đôi giày màu trắng, trên có ghi dòng chữ SPORT MEIXIE.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 117/2022/TgT ngày 22/4/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang, kết luận: Huỳnh Hữu T tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 37%, thương tích do vật tày gây nên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm s, b khoản 1 và 2 Điều 51, 54, 91, 101, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/5/2022.

* Về phần trách nhiệm dân sự: Bị cáo T do ông Trần Tấn K và bà Nguyễn Thị Kim H đại diện, bị cáo N do ông Trần Văn V đại diện và bị cáo V tự phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh Hữu T do bà Nguyễn Thị Kim L và ông Huỳnh Công T số tiền 116.305.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của bị cáo Trần Huy V và Trần Thị Ngọc N, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, ông Trần Tấn K - Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Quốc T kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Quốc T và chia số tiền bồi thường theo từng phần để tạo điều kiện khắc phục hậu quả.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị cáo Trần Quốc T và các đồng phạm Trần Huy V, Trần Thị Ngọc N thống nhất khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

- Ông Trần Tấn K - Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Quốc T có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và xác định phần bồi thường thiệt hại của mỗi bị cáo.

- Ông Trần Văn V - Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Thị Ngọc N và bị cáo Trần Huy V có ý kiến thống nhất với quyết định bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tấn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ngọc N có ý kiến: Do bị cáo N không có kháng cáo, bản án sơ thẩm không bị kháng nghị và tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của người kháng cáo, quan điểm của Viện kiểm sát không liên quan hay ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị cáo N, nên không có ý kiến bào chữa cho bị cáo và ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua lời khai nhận của bị cáo Trần Quốc T cùng các đồng phạm Trần Huy V, Trần Thị Ngọc N tại phiên tòa phúc thẩm, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 30/3/2022, tại khu vực vỉa hè đường nội bộ Trung tâm hành chính huyện L, thuộc ấp (khu phố) BQ, xã (thị trấn) BP, huyện L, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo Trần Thị Ngọc N, Trần Huy V và Trần Quốc T sử dụng cây tràm đánh Huỳnh Hữu T, sinh ngày 07/10/2006 gây thương tích với tỷ lệ 37%.

Xét bị hại Huỳnh Hữu T là người dưới 16 tuổi, các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm và phạm tội có tính chất côn đồ. Vì thế bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Nhận thấy, về ý thức chủ quan các bị cáo nhận thức được rằng, mọi người đều có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng và sức khỏe, mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Nhận thức được điều đó thì lẽ ra các bị cáo phải biết tự kiềm chế bản thân để tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn với bị hại một cách ôn hoà, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Ngược lại, các bị cáo lại thể hiện bản tính hung hăng côn đồ, xem thường pháp luật, rủ rờ và cùng nhau sử dụng hung khí nguy hiểm đánh bị hại gây thương tích. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Vì thế, xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc là cần thiết, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tấn K – Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Quốc T:

[3.1] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc T, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến vai trò tham gia, tính chất và mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện; đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là phù hợp. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, bị cáo T và ông Trần Tấn K – Người đại diện hợp pháp của bị cáo có kháng cáo không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3.2] Về trách nhiệm dân sự: Xét bản án sơ thẩm xác định, tổng giá trị thiệt hại mà các bị cáo gây ra là 166.305.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo T đã bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, nên các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại 116.305.000 đồng là phù hợp.

Tại Điều 587 Bộ luật Dân sự quy định: “...*Trách nhiệm bồi thường của từng người cùng gây thiệt hại được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người; nếu không xác định được mức độ lỗi thì họ phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau*”. Xét các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm gây thiệt hại về sức khỏe đối với bị hại nhưng không xác định được mức độ lỗi của mỗi người, nên trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Điều 587 Bộ luật Dân sự là xác định theo phần bằng nhau. Vì thế, yêu cầu kháng cáo của ông K là có cơ sở nên chấp nhận. Như vậy, trách nhiệm bồi thường của các bị cáo được xác định cụ thể như sau:

Tổng thiệt hại là 166.305.000 đồng, nên phần mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường là 55.435.000 đồng (166.305.000 đồng/ 3 người = 55.435.000 đồng).

Quá trình điều tra, gia đình bị cáo T đã bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, nên phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp số tiền còn lại là 5.435.000 đồng. Các bị cáo V, N chưa bồi thường, nên mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 55.435.000 đồng.

Do bị cáo T, N là người dưới 18 tuổi, không có tài sản riêng nên buộc cha mẹ của các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo N, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[5] Đối với các bị cáo Trần Huy V, Trần Thị Ngọc N không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án Phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông K không được chấp nhận về hình sự và được chấp nhận về trách nhiệm dân sự, nên ông K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nhận thấy, theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì: “*Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm*” và “*Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự được thực hiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết này*”. Như vậy, án phí hình sự sơ thẩm là các bị cáo phải chịu và án phí dân sự sơ thẩm là người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải chịu. Thế nhưng, quyết định của bản án sơ thẩm lại buộc cha, mẹ của các bị cáo T, N chịu án phí hình sự sơ thẩm và buộc các bị cáo T, N chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

Xét sai sót trên không gây ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các bị cáo, bị hại, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tấn K – Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Quốc T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-

ST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang về phân trách nhiệm dân sự và án phí.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 91, 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2022.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự và các Điều 288, 584, 585, 586, 587, 590 và 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Trần Huy V, Trần Quốc T và Trần Thị Ngọc N có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Huỳnh Hữu T tổng cộng là 166.305.000 đồng. Cụ thể:

- Bị cáo Trần Huy V phải bồi thường số tiền 55.435.000 đồng;
- Bị cáo Trần Thị Ngọc N phải bồi thường số tiền 55.435.000 đồng;
- Bị cáo Trần Quốc T phải bồi thường số tiền 55.435.000 đồng. Bị cáo T đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp số tiền còn lại là 5.435.000 đồng.

Do các bị cáo Trần Quốc T, Trần Thị Ngọc N và bị hại Huỳnh Hữu T là người dưới 18 tuổi, nên cha mẹ của bị cáo T là ông Trần Tấn K, bà Nguyễn Thị Kim H, cha của bị cáo N là ông Trần Văn V phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường thay cho các bị cáo; ông Huỳnh Công T, bà Nguyễn Thị Kim L là cha mẹ của bị hại T có quyền yêu cầu thi hành án thay cho bị hại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

*** Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Các bị cáo Trần Huy V, Trần Quốc T và Trần Thị Ngọc N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Huy V phải chịu 2.771.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn V (cha của bị cáo N) phải chịu 2.771.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Tấn K, bà Nguyễn Thị Kim H (cha, mẹ bị cáo T) phải chịu 271.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng là 471.000 đồng nhưng được

khấu trừ số tiền 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0017302 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuấn

